TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/DS-PT
Ngày: 29/5/2020
Tranh chấp hợp đồng
Chuyển nhượng QSDĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới

Ông Đặng Văn Lộc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 5 năm 2020 và ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý: 52/2020/TLPT- DS, ngày 04 tháng 3 năm 2020.Về việc "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04A/2020/DSST, ngày13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố VL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2020/QĐ-PT, ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số B1, đường 8/3, khóm 4, Phường 5, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 33/6 đường Mậu Thân, Phường 3, thành phố VL, tỉnh VL.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2019).

Bị đơn :

1/ Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1959.

2/ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1956 (có đơn xin vắng mặt).

3/ Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1979.

3/ Anh Lê Thanh L, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Số 27/2, tổ 2, đường LR, Phường 4, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện hợp pháp của ông V, chị T: Anh Lê Văn V, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp LT B, xã LP, huyện LH, tỉnh VL.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2019 và ngày 24/9/2019).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 27/2, tổ 2, đường LR, Phường 4, thành phố VL, tỉnh VL.

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố VL thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2019 nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc T và người đại diện hợp pháp của chị T là anh Bùi Văn K trình bày:

Ngày18/02/2014, chị T và hộ ông Lê Hoàng V có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nội dung: Hộ ông V chuyển nhượng cho chị T thửa đất số 49, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,1m^2, loại đất thổ, tọa lạc tại khóm 1, Phường 4, thành phố VL, tỉnh VL với giá chuyển nhượng 52.000.000 đồng. Thực hiện thỏa thuận chị T và hộ ông V đã ký hợp đồng chuyển nhượng tại Phòng công chứng PA, chị T đã trả đủ cho hộ ông V số tiền 52.000.000 đồng, nhưng hộ ông V chưa giao nhà, đất cho chị T.

Chị T yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền nêu trên đất cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Hoàng V và người đại diện hợp pháp của ông V là anh Lê Văn V trình bày: Hộ ông V không chuyển nhượng thửa đất số 49 cho chị T. Tuy nhiên, việc hộ ông V ký hợp đồng chuyển nhượng với chị T là do con ông V là anh Lê Thanh L có vay tiền của chị T nên ông V có cho anh L mượn giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho chị T để đảm bảo khoản tiền tiền vay cho chị T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị T ông V không đồng ý, đối với với số tiền anh L nợ chị T thì anh L có trách nhiệm trả cho chị T.

Anh Lê Thanh L trình bày: Anh L có vay của chị T số tiền 60.000.000 đồng, với lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay anh L đã trả chị T 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản tiền vay nêu trên anh L có mượn giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông V thế chấp cho chị T với hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 18/02/2014 với chị T. Hiện nay anh

L còn nợ chị T số tiền vốn là 52.000.000 đồng anh L cũng đồng ý trả số tiền nêu trên cho chị T.

Bà Trần Thị Đ, người đại diện hợp pháp của chị T là anh Lê Văn V thống nhất với ý kiến trình bày của ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh T trình bày: Hộ ông V không có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị T chỉ thế chấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản tiền vay của anh L. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị T anh T không đồng ý, yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04A/2020/DSST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố VL. Quyết định:

Căn cứ Điều 129, 137, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 147, 158, 166 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc T về việc yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/02/2014 giữa chị Đặng Thị Ngọc T với anh Lê Thanh L đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,1m^2, tọa lại khóm 1, Phường 4, thành phố VL.

Buộc chị Đặng Thị Ngọc T trả 01 (một) giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc đối với thửa 427, tờ bản đồ số 23, diện tích 55,2m^2, tọa lạc tại khóm 2, Phường 4, thành phố VL cấp ngày 21/8/2015 (thửa cũ số 49, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,1m^2 tọa lạc tại khóm 1, Phường 4, thành phố VL) cho ông Lê Hoàng V (là đại diện hộ).

Chấp nhận một phần yêu cầu trả vốn và lãi suất của nguyên đơn.

Buộc anh Lê Thanh L có nghĩa vụ trả chị Đặng Thị Ngọc T số tiền vay vốn 52.000.000 đồng và 25.740.000 đồng. Tổng cộng 77.740.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/01/2020 chị T có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo không ý với quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 04A/2020/DSST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố VL. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Công nhận chị T được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 427,diện tích 55,2m^2, mục đích sử dụng đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm 1, Phường 4, thành phố VL, tỉnh VL. Trong trường hợp vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết ngày 18/02/2014 giữa chị T và bị đơn

thì yêu cầu bị đơn trả số tiền 52.000.000 đồng và mức lãi suất là 1,125%/tháng (từ ngày 18/2/2014 đến 13/01/2020 với số tiền 40.950.000 đồng).

Tại cấp phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của chị T là anh Bùi Văn K trình bày:

Ngày 18/02/2014 giữa chị T và hộ ông Lê Hoàng V ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 49 là hợp đồng giả cách vì chị T có cho anh Lê Thanh L vay số tiền 52.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay khi nào cần thì thông báo cho anh L biết, lãi trả hàng tháng nên có yêu cầu hộ ông V ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản tiền vay nêu trên. Nay chị T đồng ý vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/02/2014 được ký kết giữa chị T và hộ ông V nên chị T rút lại yêu cầu kháng cáo đối với việc yêu cầu công nhận chị T được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 427, diện tích 55,2m^2, mục đích sử dụng đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm 1, Phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (thửa cũ số 49, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,1m^2 tọa lạc tại khóm 1, Phường 4, thành phố VL).

Chị T yêu cầu ông V, bà Đ anh Lvà chị T phải có nghĩa vụ trả chị T số tiền 52.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền nêu trên với mức lãi suất là 1,125%/ tháng kể từ ngày 18/02/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hoàng V và chị Lê Thị Thanh T là anh Lê Văn V trình bày: Số tiền 52.000.000 đồng là do anh L vay của chị T để sử dụng vào mục đích cá nhân của anh L, ông V, chị T không sử dụng số tiền nêu trên nên không đồng ý liên đới cùng anh L trả cho chị T mà anh L phải có trách nhiệm trả cho chị T.

Trình bày phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật tố tung dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay sự có mặt của các thành viên, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm chị T tự nguyện rút lại phần kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần rút yêu cầu kháng cáo của chị T.

Đối với yêu cầu kháng cáo của chị T yêu cầu bị đơn trả số tiền 52.000.000 đồng và mức lãi suất là 1,125%/tháng (từ ngày 18/2/2014 đến 13/01/2020 với số tiền 40.950.000 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận môt phần yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Ngọc T

- Sửa án sơ thẩm. Buộc hộ ông V gồm ông V, bà Đ, chị T và anh L liên đới trả chị T số tiền 92.950.000 đồng

- Chị T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 13/01/2020 đến ngày 20/01/2020 chị Đặng Thị Ngọc T có đơn kháng cáo nên kháng cáo của chị T là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Chị T, ông V, chị T, anh L đều thừa nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký kết ngày 18/02/2014 giữa chị T và hộ ông V tại Văn phòng công chứng PA là hợp đồng giả cách để đảm bảo cho khoản tiền vay 52.000.000 đồng giữa chị T và anh L nên thống nhất vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên.

Chị T, anh L xác định khoản tiền chị T cho anh L vay là 52.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 5%/tháng.

Khi vay thì anh L có giao cho chị T quản lý một giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Hoàng V.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị T:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm anh Bùi Văn K đại diện hợp pháp của chị T tự nguyện rút lại phần kháng cáo yêu cầu công nhận chị T được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 427,diện tích 55,2m^2, mục đích sử dụng đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm 1, Phường 4, thành phố VL, tỉnh VL. Xét việc rút một phần kháng cáo của chị T là sự tự nguyện, không trái đạo đức, pháp luật, nên đình chỉ phần yêu cầu kháng cáo này của chị T.

.

[1.2] Xét kháng cáo của chị T yêu cầu bị đơn trả số tiền 52.000.000 đồng và mức lãi suất là 1,125%/tháng từ ngày 18/2/2014 đến 13/01/2020 với số tiền 40.950.000 đồng.

Chị T và anh L đều thừa nhận các đương sự xác lập Hợp đồng vay tài sản vào ngày 18/02/2014, chị T cho anh L vay số tiền với lãi suất là 5%/tháng. Như vậy thời điểm các bên xác lập hợp đồng vay tài sản vào năm 2014 nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 giải quyết. Xét mức lãi các đương sự thỏa thuận là 5%/tháng là vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự (Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại vay tương ứng). Do đó, cần điều chỉnh mức lãi suất cho phù hợp với quy định của pháp luật cụ thể: Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, mức lãi suất cơ bản là 0,75%/tháng nên mức lãi suất các bên được thỏa thuận không được vượt quá 150%/tháng với mức lãi suất là 1,125%/ tháng. Lãi suất được tính như sau:

Tính từ ngày 18/02/2014 đến ngày 13/01/2020 là 05 năm 10 tháng = 70 tháng

Tiền lãi: 52.000.000đồng x 1,125%/tháng x 70 tháng = 40.950.000đồng.

Tiền vốn: 52.000.000 đồng; tiền lãi : 40.950.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn, tiền lãi là 92.950.000 đồng.

[1] Xét nguyên đơn yêu cầu ông V, bà Đ, chị T, anh L cùng có trách nhiệm trả chị T số tiền vốn và tiền lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận: Bởi chính ông V, bà Đ, chị T đều thừa nhận mục đích ký Hợp đồng chuyển nhượng ngày 18/02/2014 và giao giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T là để đảm bảo khoản tiền vay của anh L. Như vậy đã thể hiện rõ ý chí của các đương sự dùng tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của mình để đảm bảo nghĩa vụ của người khác nên khi vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chị T phải trả lại giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông V thì ông V, bà Đ, chị T phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh L trả chị T số tiền vốn, lãi nêu là 92.950.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của chị T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm

Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Ngọc T về việc công nhận chị T được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 427,diện tích 55,2m^2, mục đích sử dụng đất ở đô thị, tọa lạc tại khóm 1, Phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (thửa cũ số 49, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,1m^2 tọa lạc tại khóm 1, Phường 4, thành phố VL)

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Đặng Thị Ngọc T;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04A/2020/DSST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

Tuyên xử:

Căn cứ Điều 129, 137, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 147, 158, 166 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp sử dụng và quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Ngọc T.

Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/02/2014 giữa chị Đặng Thị Ngọc T với với hộ ông Lê Hoàng V (do anh Lê Thanh L đại diện) đối với thửa đất số 49, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,1m^2, tọa lại khóm 1, Phường 4, thành phố Vĩnh Long.

Buộc chị Đặng Thị Ngọc T trả 01 (một) giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc đối với thửa 427, tờ bản đồ số 23, diện tích 55,2m^2, tọa lạc tại khóm 2, Phường 4, thành phố Vĩnh Long cấp ngày 21/8/2015 (thửa cũ 49, tờ bản đồ số 22, diện tích 60,1m^2 tọa lạc tại khóm 1, Phường 4, thành phố VL) cho hộ ông Lê Hoàng V

Buộc ông Lê Hoàng V, bà Trần Thị Đ, chị Lê Thị Thanh T và anh Lê Thanh L liên đới trả trả chị Đặng Thị Ngọc T số tiền tiền vốn: 52.000.000 đồng; tiền lãi 40.950.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn, tiền lãi là 92.950.000 đồng (trong đó mỗi đương sự phải trả chị T tiền vốn là 13.000.000 đồng; tiền lãi là 10.237.500 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3/ Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông V, bà Đ, chị T, anh L mỗi người phải nộp 1.161.875 đồng.

Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004399 ngày 12/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố VL.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả chị T 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005175, ngày 20/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố VL.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND TVL;
- CA TAND TVL;
- TAND thành phố Vĩnh Long;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Long;
- Các đương sự.
- Lưu HS; TNV, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

.

Đặng Duy Mỹ Ngọc